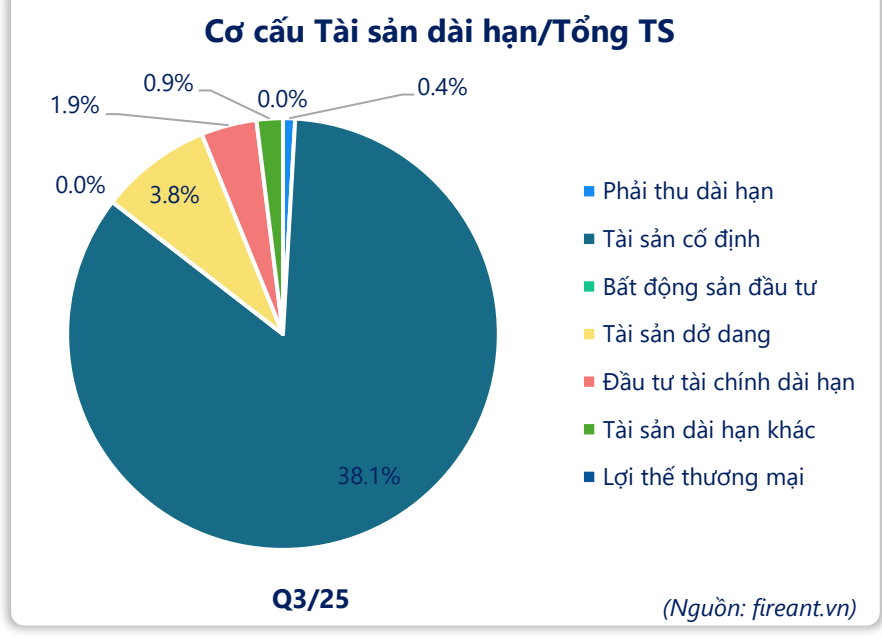
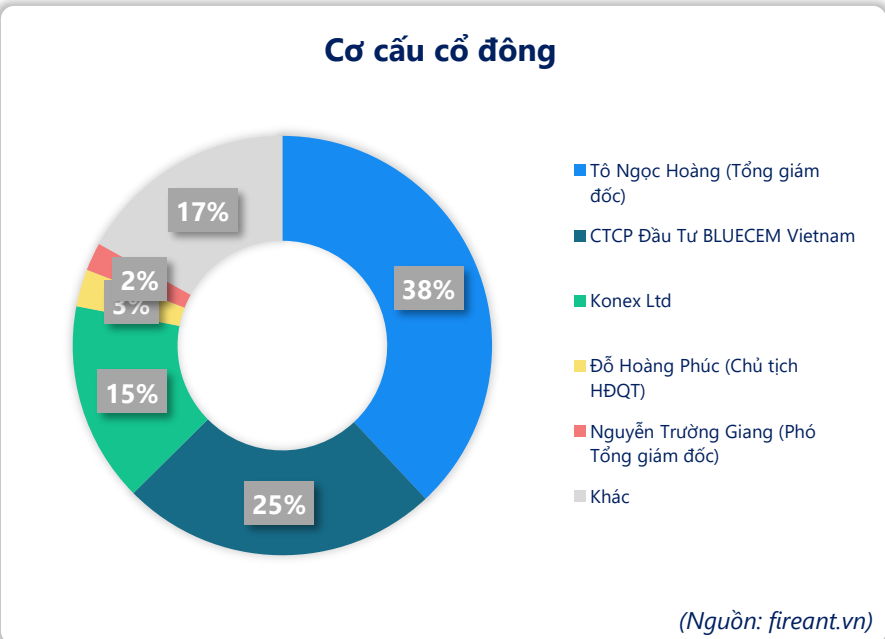
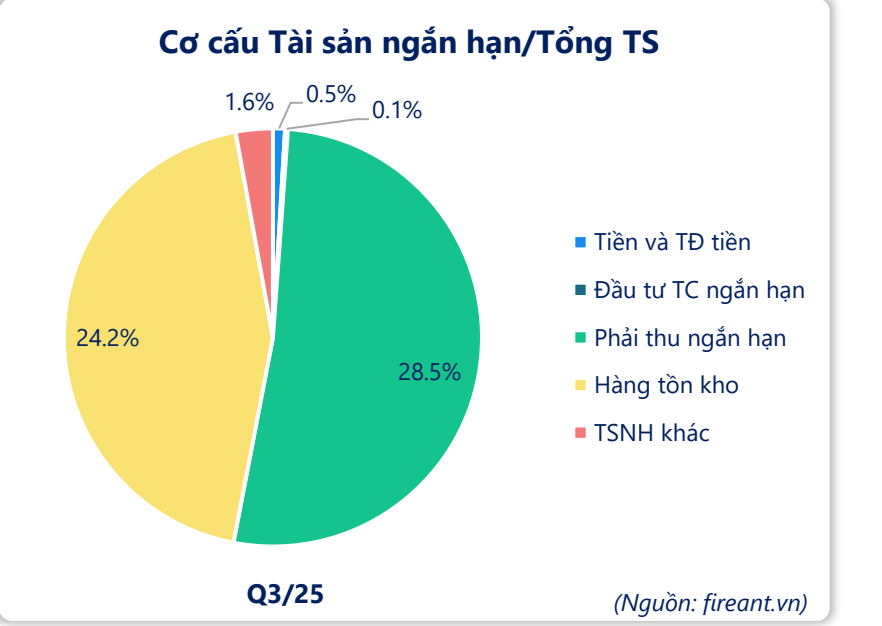
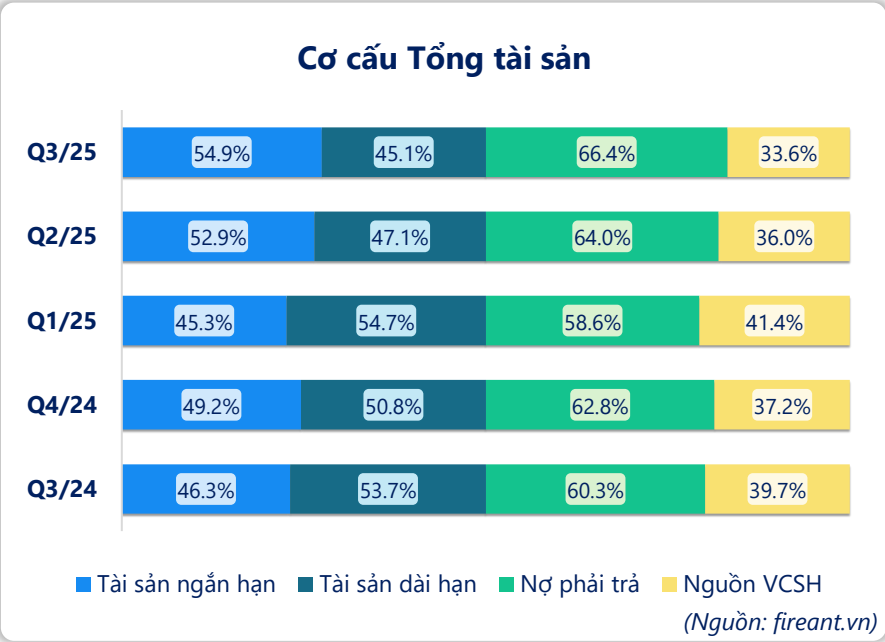
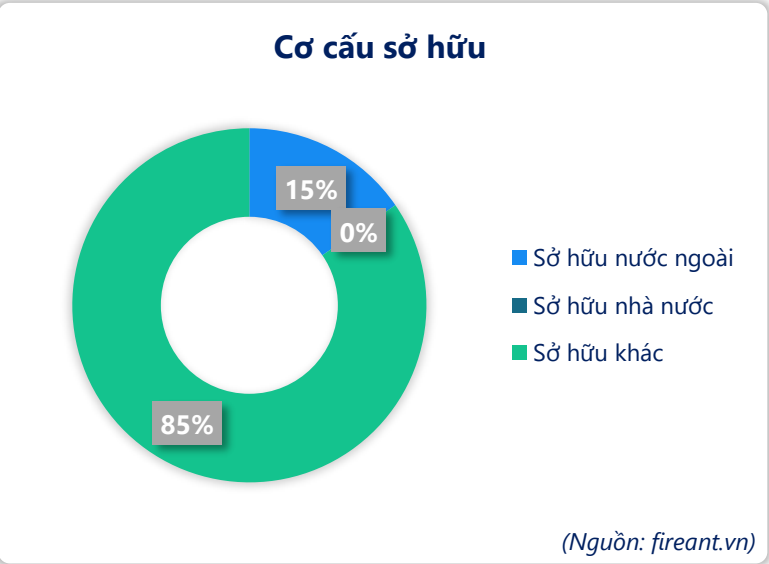
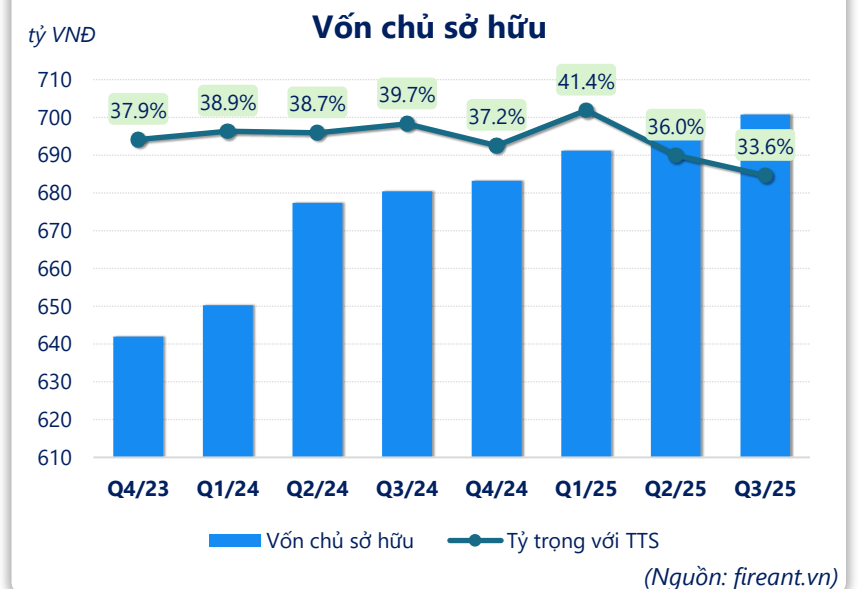
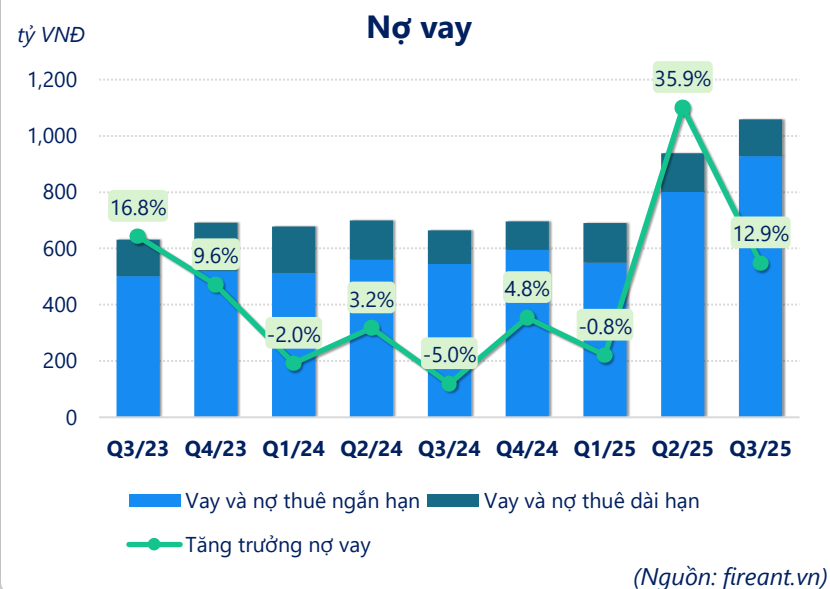
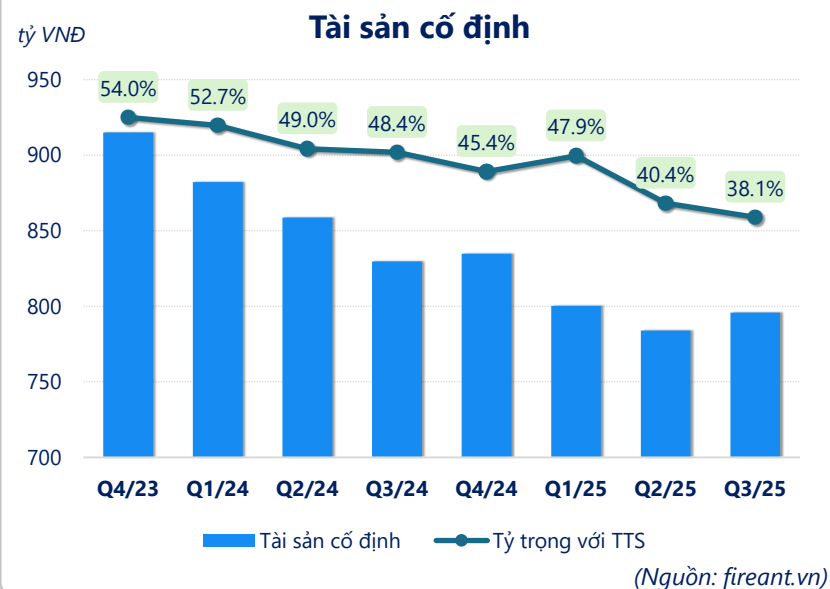
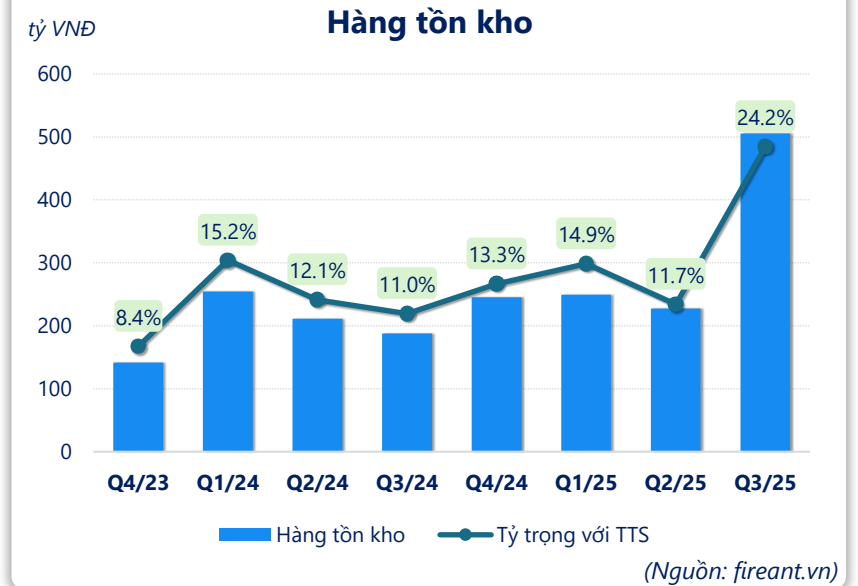
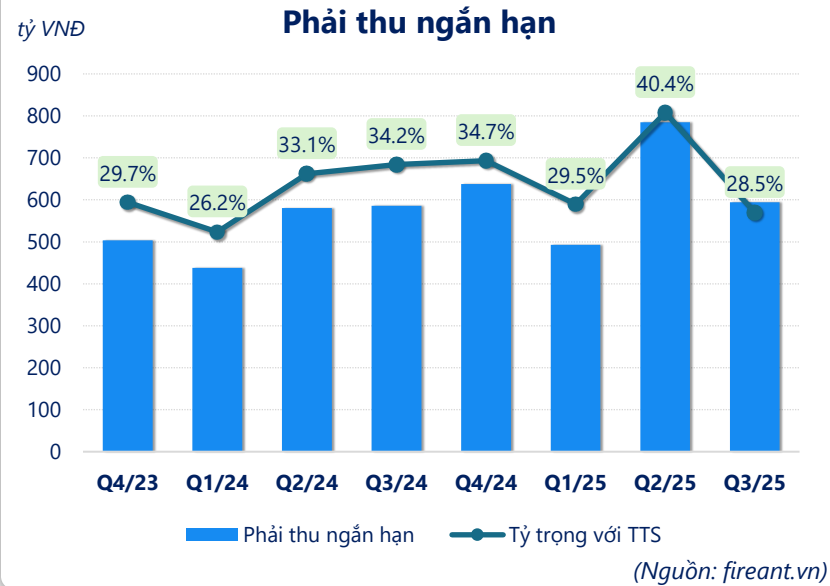
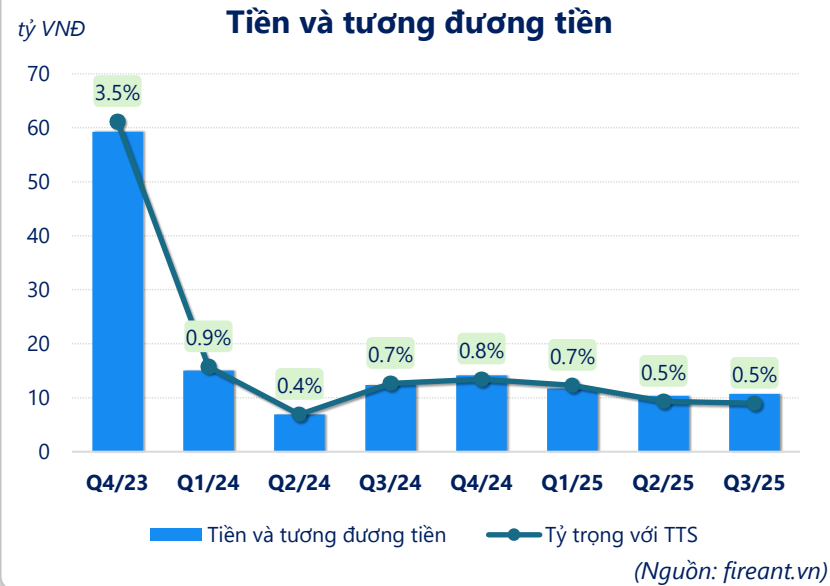
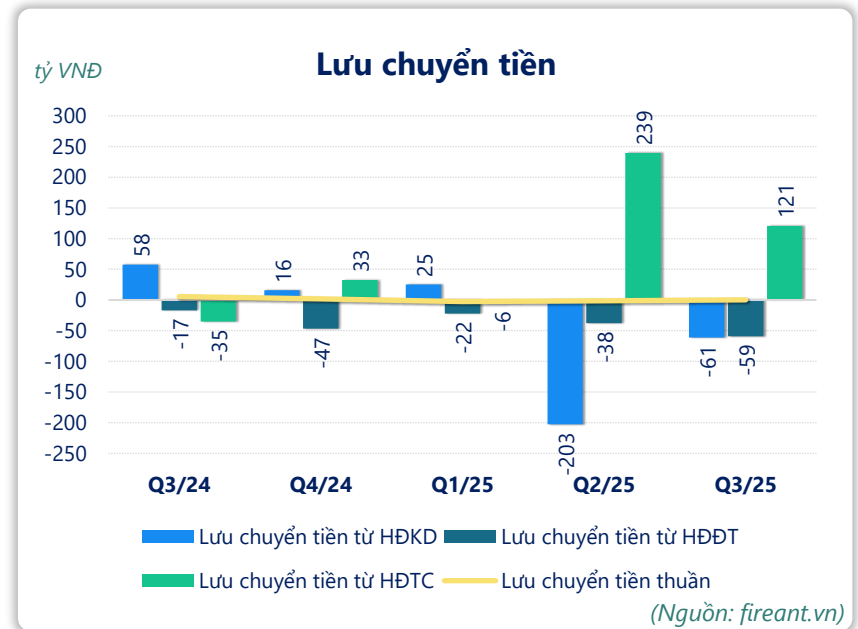
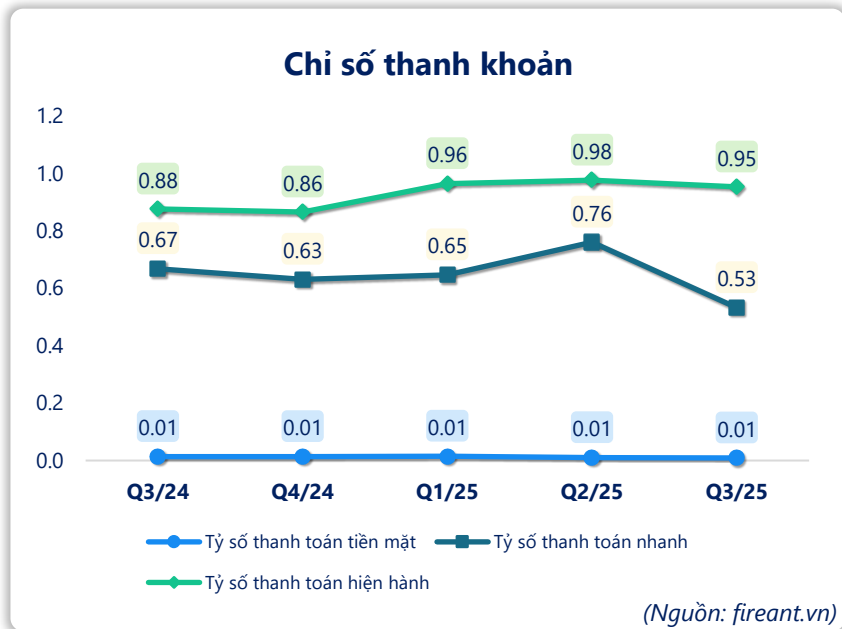
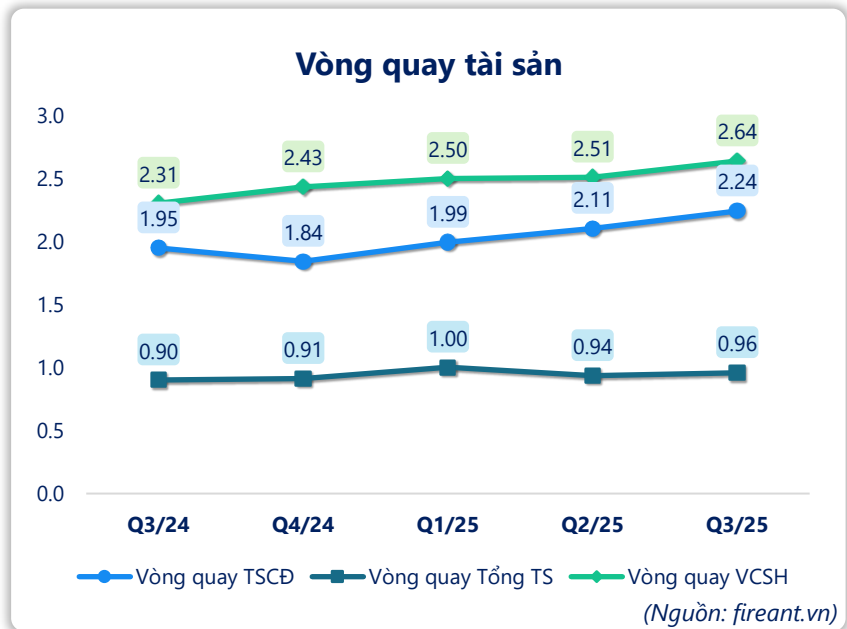
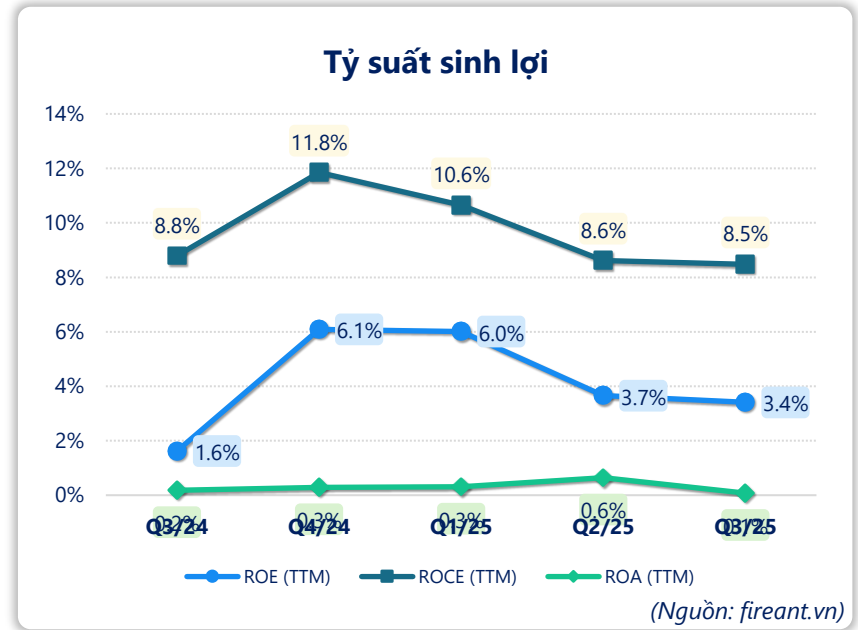
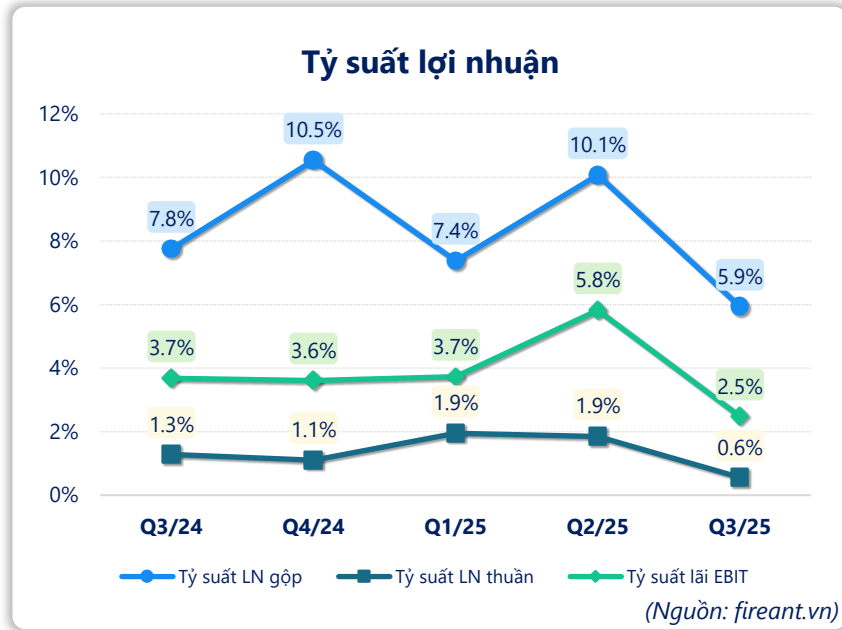
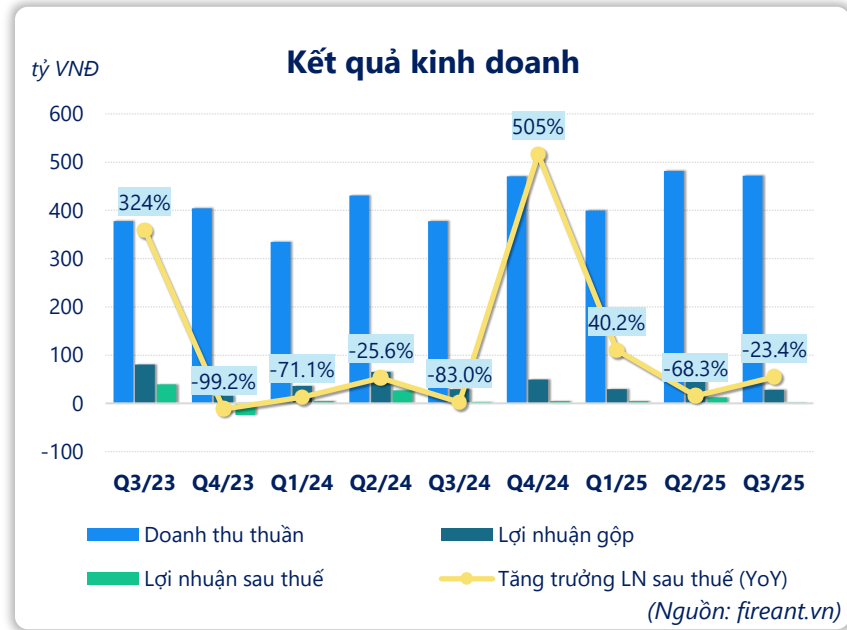


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		7,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,400
SL cổ phiếu LH		59,932,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5,905
% sở hữu nước ngoài		15.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		360
P/E		15.3
EPS		393

	YTD	1T	3T	6T
QNC	-4.8%	1.7%	-6.3%	-4.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,087	1,737	20.2%
Tài sản ngắn hạn	1,146	807	42.0%
Tiền và tương đương tiền	10.7	14.3	-25.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.50	2.50	0.0%
Phải thu ngắn hạn	594	539	10.2%
Hàng tồn kho	505	246	105%
Tài sản ngắn hạn khác	32.8	4.32	659%
Tài sản dài hạn	941	930	1.2%
Phải thu dài hạn	8.52	8.09	5.3%
Tài sản cố định	796	835	-4.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	78.8	29.2	170%
Đầu tư tài chính dài hạn	39.2	39.2	0.0%
Tài sản dài hạn khác	18.5	18.5	0.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,386	1,050	31.9%
Nợ ngắn hạn	1,204	860	39.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	928	559	66.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	131	182	-27.8%
Nợ dài hạn	182	190	-4.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	131	137	-4.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	701	686	2.1%
Vốn chủ sở hữu	701	686	2.1%
Vốn điều lệ	600	600	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	377	471	399	482	472
Giá vốn hàng bán	348	421	370	434	444
Lợi nhuận gộp	29.3	49.6	29.5	48.6	28.0
Doanh thu HĐTC	0.32	2.62	0.36	0.63	0.48
Chi phí TC	9.28	11.7	7.77	23.5	9.20
Chi phí lãi vay	9.19	11.3	7.62	13.9	8.98
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.15	0.28	0.20	0.84	0.72
Chi phí QLDN	15.3	35.0	14.1	15.9	15.9
LN thuần từ HĐKD	4.84	5.20	7.78	8.92	2.64
Lợi nhuận khác	-0.14	0.51	-0.51	5.23	0.08
LN trước thuế	4.70	5.71	7.27	14.2	2.72
Lợi nhuận sau thuế	3.08	5.05	5.13	11.9	1.47
LNST của CĐ cty mẹ	3.07	5.06	5.13	11.9	1.46

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	57.5	15.7	25.1	-203	-61.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-16.9	-46.6	-22.0	-38.0	-59.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-35.2	32.6	-5.74	239	121
Tiền đầu kỳ	6.91	12.4	14.3	11.7	10.3
Lưu chuyển tiền thuần	5.47	1.75	-2.60	-1.39	0.34
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	12.4	14.1	11.7	10.3	10.7

(Nguồn: fireant.vn)